TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 353/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2022
V/v tranh chấp "Hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 203/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022, về tranh chấp "*Hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Tuyết E, sinh năm 1987;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1984;

Cùng nơi cư trú: Tổ 14, khóm Phú X, thị trấn Chợ V, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Chị Tuyết E và anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 01/3/2022, bản tự khai nguyên đơn chị Đỗ Thị Tuyết E trình bày: Sau khi tìm hiểu chị và anh B tự nguyện chung sống với nhau, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 157/2005 ngày 30/12/2005. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc,

về sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã chủ yếu về vấn đề kinh tế gia đình, anh B thường xuyên uống rượu, kiếm chuyện đánh đập, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được, không thể chung sống với nhau được nữa nên chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng chính thức sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh B.

Về con chung: chị và anh B có 02 con chung tên Nguyễn Chí T (đã chết năm 2020) và Nguyễn Chí C, sinh ngày 7/6/2007 hiện các con đang sống với anh B; nay đồng ý giao cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Cường, chị không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

- Bị đơn anh Nguyễn Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, anh B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

- Về nội dung: Hôn nhân của chị Tuyết Em và anh B được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị Tuyết Em xin ly hôn là có căn cứ. Về con chung có 02 con chung tên Nguyễn Chí Tâm (đã chết năm 2020) và Nguyễn Chí Cường, sinh ngày 7/6/2007 hiện đang sống với anh B; chị Em đồng ý giao cháu Cường cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng cho con nên đề nghị HĐXX xem xét giao con chung cho anh B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Tuyết Em khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B và nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật "Tranh

chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Thanh B là bị đơn có nơi cư trú tại khóm Phú Xương, thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Chị Tuyết Em có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh, chị theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Tuyết Em yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B. Xét chứng cứ có trong hồ sơ cùng kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa thể hiện, hôn nhân của anh chị được xác lập năm 2005 trên cơ sở tự tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng chính thức ly thân từ măm 2020 đến nay, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng trong thời gian dài sau khi ly thân mà anh, chị mỗi người sinh sống mỗi nơi, không ai quan tâm ai, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, chị Tuyết Em yêu cầu ly hôn là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: anh, chị có 02 con chung tên Nguyễn Chí T (đã chết năm 2020). Riêng Nguyễn Chí C, sinh ngày 7/6/2007 hiện đang sống với anh B; chị Tuyết E đồng ý giao cháu C cho anh B được tiếp tục nuôi dưỡng; chị không cấp dưỡng cho con. Xét, từ khi ly thân đến nay cháu C do anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo phát triển bình thường về thể chất, tinh thần nên căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần giao con chung cho anh B tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con đến thành niên hoặc tự lập được. Chị Tuyết Em không phải cấp dưỡng cho con. Anh B phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi chị Tuyết Em đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, anh B không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì anh, chị có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp,

không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị Tuyết Em phải chịu án phí theo qui định pháp luật. Anh B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Tuyết E.

- Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Tuyết E được ly hôn với anh Nguyễn Thanh B.

Giấy chứng nhận kết hôn số số 157/2005 ngày 30/12/2005 của Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang cấp cho anh, chị không còn giá trị pháp lý khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao cho anh B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Chí C, sinh ngày 07/6/2007 đến thành niên hoặc tự lập được; Chị E không phải cấp dưỡng cho con.

Anh B phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi chị Tuyết Em đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Tuyết Em phải chịu án phí hôn nhân, gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005114 ngày 24/5/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (đã nộp đủ). Anh B không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao Bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Bích Tuyền